Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 8442.30.00

Mã HS	8442.30.00
Mô tả hàng hóa	Máy, thiết bị và dụng cụ (trừ loại máy thuộc các nhóm từ 84.56 đến 84.65) dùng để đúc chữ hoặc chế bản, làm khuôn in (bát chữ), ống in và các bộ phận in ấn khác; khuôn in (bát chữ), ống in và các bộ phận in khác; khuôn in, ống in và đá in ly tô, được chuẩn bị cho các mục đích in (ví dụ, đã được làm phẳng, nổi vân hạt hoặc đánh bóng) / - Máy, thiết bị và dụng cụ
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	08/11/2026 07:01:18
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/84423000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K13875
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N13875
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q13875
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VN-EAEU	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E13189
ATIGA	2022	2022	0	AT!E13130
ATIGA	2023	2023	0	AT!F13130
ATIGA	2024	2024	0	AT!G13130
ATIGA	2025	2025	0	AT!H13130
ATIGA	2026	2026	0	AT!I13130
ATIGA	2027	2027	0	AT!J13130
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E13184
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F13184
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G13184
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H13184

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I13184
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J13184
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E13185
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F13185
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G13185
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H13185
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I13185
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J13185
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F13188
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H13136
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F13144
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G13144
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H13144
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I13144
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J13144
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K13144
VKFTA	2022	2022	0	VK!E13175
VKFTA	2023	2023	0	VK!F13175
VKFTA	2024	2024	0	VK!G13175
VKFTA	2025	2025	0	VK!H13175
VKFTA	2026	2026	0	VK!I13175
VKFTA	2027	2027	0	VK!J13175
VCFTA	2022	2022	0	VC!D13224
VCFTA	2023	2023	0	VC!E13224
VCFTA	2024	2024	0	VC!F13224
VCFTA	2025	2025	0	VC!G13224

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H13224
VCFTA	2027	2027	0	VC!I13224
VN-EAEU	2022	2022	*	EAV!D13207
VN-EAEU	2023	2023	*	EAV!E13207
VN-EAEU	2024	2024	*	EAV!F13207
VN-EAEU	2025	2025	*	EAV!G13207
VN-EAEU	2026	2026	*	EAV!H13207
VN-EAEU	2027	2027	*	EAV!I13207
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D13207
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E13207
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F13207
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G13207
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H13207
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I13207
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D13222
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E13222
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F13222
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G13222
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H13222
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I13222
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D13221
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E13221
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F13221
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G13221
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H13221
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I13221

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D13201
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E13201
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F13201
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G13201
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H13201
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I13201
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J13201
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D13209
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E13209
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F13209
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G13209
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H13209
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I13209
RCEP B	2022	2022	0	B!D13209
RCEP B	2023	2023	0	B!E13209
RCEP B	2024	2024	0	B!F13209
RCEP B	2025	2025	0	B!G13209
RCEP B	2026	2026	0	B!H13209
RCEP B	2027	2027	0	B!I13209
RCEP C	2022	2022	0	C!D13209
RCEP C	2023	2023	0	C!E13209
RCEP C	2024	2024	0	C!F13209
RCEP C	2025	2025	0	C!G13209
RCEP C	2026	2026	0	C!H13209
RCEP C	2027	2027	0	C!I13209
RCEP D	2022	2022	0	D!D13208

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E13208
RCEP D	2024	2024	0	D!F13208
RCEP D	2025	2025	0	D!G13208
RCEP D	2026	2026	0	D!H13208
RCEP D	2027	2027	0	D!I13208
RCEP E	2022	2022	0	E!D13212
RCEP E	2023	2023	0	E!E13212
RCEP E	2024	2024	0	E!F13212
RCEP E	2025	2025	0	E!G13212
RCEP E	2026	2026	0	E!H13212
RCEP E	2027	2027	0	E!I13212
RCEP F	2022	2022	0	F!D13209
RCEP F	2023	2023	0	F!E13209
RCEP F	2024	2024	0	F!F13209
RCEP F	2025	2025	0	F!G13209
RCEP F	2026	2026	0	F!H13209
RCEP F	2027	2027	0	F!I13209
VIFTA	2024	2024	0	VI!F12253
VIFTA	2025	2025	0	VI!G12253
VIFTA	2026	2026	0	VI!H12253
VIFTA	2027	2027	0	VI!I12253

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

HS-004	YELLOW	Mã HS mới từ Danh mục 2023	Mã 8442.30.00 được đánh dấu là mã mới bổ sung trong biểu thuế 2023 (worksheet MOI). Hợp đồng, C/O hoặc tài liệu cũ có thể dùng mã 2017.	MOI: 8442.30.00	31/2022/TT-BTC	Đảm bảo C/O và chứng từ thể hiện mã HS phù hợp; file nguồn không cung cấp bảng tương quan mã cũ–mới.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8442.30.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 8442.30.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N13875), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.